

Số: /BC-SCT

Hà Nam, ngày tháng 3 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính Quý I năm 2022 Sở Công Thương Hà Nam.**

Thực hiện Công văn số 478/VPUB-KSTT ngày 04/3/2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính Quý I năm 2022, Sở Công Thương Hà Nam tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện với các nội dung sau:

#### **I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

##### **1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)**

Đối với công tác rà soát, đánh giá tác động các quy định về TTHC được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, được Đảng ủy, Lãnh đạo Sở chú trọng quan tâm chỉ đạo bộ phận chuyên môn thực hiện đúng quy định.

Trong quý I, Sở đã triển khai đánh giá các VBQPPL liên quan đến TTHC ở các lĩnh vực Hóa chất, vật liệu công nghiệp, khai thác khoáng sản; quản cạnh tranh, thương mại quốc tế, xúc tiến thương mại, lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước. Đặc biệt là đánh giá tác động đối với Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

##### **2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL**

Việc tham gia ý kiến về quy định thủ tục hành chính tại dự thảo VBQPPL thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam: Sở đã tham gia đóng góp ý kiến đầy đủ các quy định TTHC tại dự thảo VBQPPL thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

Tổng số TTHC và tổng số văn bản QPPL do Sở Công Thương chủ trì thực hiện thẩm định trong kỳ báo cáo: 0.

##### **3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC**

- Tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành

trong kỳ báo cáo: 0.

- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: 0.

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố: 0; trong đó số TTHC được công khai: 0.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Công Thương: 140, (*thẩm quyền giải quyết của Sở 127, thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện: 13, thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 0*); trong đó: số TTHC do Trung ương quy định: 127; số TTHC do địa phương quy định: 0.

#### **4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC.**

Thực hiện Kế hoạch số 3655/KH-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Hà Nam về rà soát, đánh giá TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Nam, Sở Công Thương xây dựng và ban hành Kế hoạch số 184/KH-SCT ngày 10/02/2022 về rà soát, đánh giá TTHC thuộc lĩnh vực công thương trên địa bàn tỉnh năm 2022.

Ngay trong quý I, Sở đã ban hành văn bản số 206/SCT-VP ngày 16/02/2022 và triển khai rà soát, đánh giá nhằm đánh giá lại toàn bộ TTHC thuộc chức năng quản lý của Ngành cũng như đánh giá lại toàn bộ các văn bản QPPL liên quan đến TTHC thuộc lĩnh vực ngành quản lý tại địa phương.

#### **5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC**

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: số tiếp nhận mới trong kỳ: 0; số từ kỳ trước chuyển qua: 0; số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 0; số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 0.

- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 0; trong đó số đã được đăng tải công khai: 0.

- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0.

#### **6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC**

- Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC trong kỳ từ ngày 16/12/2021 đến ngày 15/3/2022 (bao gồm cả hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; theo dịch vụ công trực tuyến) là 3413 hồ sơ (số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp và qua dịch vụ BCCI là 8 hồ sơ; số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến online là 3394 hồ sơ; Số kỳ trước chuyển qua: 11 hồ sơ)

- Kết quả giải quyết TTHC (bao gồm cả hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; theo dịch vụ công trực tuyến):

+ Số hồ sơ đã giải quyết: 3324. Trong đó: số hồ sơ giải quyết trước hạn: 3324; số hồ sơ giải quyết quá hạn: 0.

+ Số hồ sơ đang giải quyết: 89, trong đó: Số hồ sơ chưa đến hạn: 89 ; số hồ sơ quá hạn: 0.

## **7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC**

Sở đã chỉ đạo các phòng chuyên môn tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 15/9/2021 của tỉnh ủy Hà Nam về đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là hiện đại hóa nền hành chính, hướng đến xây dựng chính quyền số, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng, trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính giai đoạn 2021-2025.

## **8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử**

- Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cơ quan chỉ đạo cán bộ thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh: Tiếp nhận, số hóa, giải quyết hoặc chuyển hồ sơ, theo dõi việc giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo quy định; cập nhật hồ sơ đã tiếp nhận vào phần mềm quản lý và cấp mã số hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Chủ động tham mưu, đề xuất sáng kiến cải tiến việc giải quyết TTHC; kịp thời phát hiện, kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung, thay đổi hoặc hủy bỏ, bãi bỏ các quy định về TTHC trái Pháp luật, không khả thi hoặc không phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- Giao nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên kiểm tra, cập nhật tiến độ xử lý từng hồ sơ trên Phần mềm một cửa để giải quyết TTHC theo quy định. Đồng thời không để xảy ra tình trạng trễ hẹn hồ sơ trên hệ thống.

- Tình hình tích hợp dịch vụ công thuộc lĩnh vực chuyên môn của Sở lên trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: trong tháng 12/2021, tháng 1 và 2/2022 cơ quan phối kết hợp với Phòng Kiểm soát TTHC của Văn phòng UBND tỉnh, Viễn thông VNPT Hà Nam tiến hành rà soát, cập nhật bổ sung các mã TTHC theo đúng chuẩn trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đầy đủ, kịp thời, chính xác.

## **9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC**

Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về kiểm soát TTHC, cải cách TTHC:

- Thường xuyên phối hợp với các cơ quan truyền thông của tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến khuyến khích người dân, doanh nghiệp thay đổi thói quen nộp, nhận hồ sơ trực tiếp mà thực hiện các giao dịch hành chính, giải quyết TTHC thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đẩy mạnh việc triển khai, thực hiện tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công mức độ 3, 4 theo quy định; đáp ứng mô hình xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh

- Đăng tải nội dung đầy đủ Danh mục TTHC, nội dung từng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở lên cổng thông tin điện tử của Sở, của tỉnh, trên phần mềm một cửa điện tử để người dân, doanh nghiệp quan tâm theo dõi.

- Tăng cường đo lường sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước. Thông qua đó đánh giá hiệu quả công tác giải quyết TTHC của Sở luôn tạo điều kiện phát huy vai trò giám sát của người dân làm căn cứ đánh giá trách nhiệm người đứng đầu cơ quan nhà nước, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

## **10. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC**

Trong Quý I, Sở đã ban hành Kế hoạch số 313/KH-SCT ngày 08/3/2022 Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính trong đó yêu cầu các phòng chuyên môn tổ chức rà soát, đánh giá các quy định TTHC thuộc lĩnh vực chuyên môn của phòng được giao, trong đó đặc biệt lưu ý đến công tác lưu trữ hồ sơ TTHC.

Ngoài việc thường xuyên theo dõi, giám sát thực hiện công tác kiểm soát TTHC thì Ban đạo CCHC của Sở dự kiến tiến hành kiểm tra chuyên đề về công tác kiểm soát TTHC trong quý III nhằm đánh giá kết quả đạt được cũng như chỉ ra những tồn tại xây dựng giải pháp triển khai nâng cao chất lượng kiểm soát TTHC kịp thời.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

- Đánh giá chung về hiệu quả, mức độ hoàn thành công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử của Sở quý I năm 2022 nhìn chung đạt được nhiều mặt tích cực. So sánh hiệu quả công tác kiểm soát TTHC Quý 1/2022 với Quý 1/2021 đa số các TTHC đều được quản lý chặt chẽ, được công khai đầy đủ, thuận lợi khai thác đến với người dân và doanh nghiệp hơn, rút ngắn cả về thời gian và các điều kiện không cần thiết những vẫn bảo đảm chặt chẽ để giải quyết các TTHC.

- Khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác kiểm soát TTHC:

+ Công chức thực hiện công tác kiểm soát TTHC đều chưa được tập huấn thường xuyên dẫn đến nhiều khi giải quyết các TTHC còn gặp vướng mắc.

+ Công chức thực hiện giải quyết TTHC tại các phòng chuyên môn thuộc Sở biên chế ít so với chức năng nhiệm vụ của từng phòng được giao, một chuyên viên có thể phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực chuyên môn và vị trí công tác nên đôi khi còn hạn chế trong xử lý giải quyết TTHC.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II**

Tiếp tục tập trung rà soát các văn bản quy phạm Pháp luật được các cấp đã ban hành, đề xuất bổ sung, sửa đổi kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và ngành quản lý đúng theo quy định của Pháp luật.

Tập trung chỉ đạo tiếp tục công tác rà soát, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành thực hiện các qui trình lấy ý kiến để từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm Pháp luật. Đảm bảo tất cả thủ tục hành chính được kiểm soát chặt chẽ và phải được niêm yết công khai, rõ ràng, minh bạch, chính xác.

Thường xuyên cập nhật, niêm yết đầy đủ kịp thời các thủ tục hành chính mới ban hành hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế, đồng thời đề nghị bãi bỏ hoặc hủy bỏ theo quy định. Đối với TTHC không cần thiết, không phù hợp nhằm cắt giảm chi phí về thời gian và tài chính của người dân và doanh nghiệp. Tổ chức thực hiện nghiêm các thủ tục hành chính đã được công bố, công khai; thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc thực thi các thủ tục hành chính; TTHC phải kịp thời công bố công khai khi có điều chỉnh, bổ sung để tổ chức công dân dễ hiểu, dễ thực hiện.

Tiếp tục thực hiện tốt cơ chế “một cửa” “một cửa liên thông” nhằm giảm thời gian giải quyết, tạo sự đồng thuận và tin tưởng với công dân khi đến giao dịch tại cơ quan hành chính nhà nước. Sắp xếp bố trí CBCC có đủ trình độ, năng lực, đạo đức, tác phong để thi hành công vụ.

Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất nhằm chấn chỉnh một cách mạnh mẽ về kỷ luật và kỷ cương trong bộ máy hành chính nhà nước. Kịp thời tuyên dương, khen thưởng CBCC có tinh thần tận tụy phục vụ, đồng thời, xử lý nghiêm đối với CBCC sai phạm.

***Nơi nhận:***

- VP UBND tỉnh (Phòng KS TTHC);
- Các đc PGĐ Sở;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Nguyên Ngọc**

Biểu số II.01b/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

- Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương Hà Nam.

- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát TTHC,  
Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Kỳ báo cáo: Quý 1/Năm 2022**  
(Từ ngày 16/12/2021 đến ngày 15/3/2022)

Đơn vị tính: TTHC, VB.

| STT | Tên dự thảo văn bản QPPL được đánh giá tác động của TTHC | Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động |                        |                            |                  |                      | Số lượng TTHC được quy định tại văn bản (sau khi ban hành) |                                                |
|-----|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------|----------------------------|------------------|----------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
|     |                                                          | Tổng số TTHC được đánh giá tác động     | TTHC được quy định mới | TTHC được sửa đổi, bổ sung | TTHC được bãi bỏ | TTHC được giữ nguyên | Tổng số TTHC được quy định                                 | Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản |
| (1) | (2)                                                      | (3) = (4)+<br>(5)+(6)+(7)               | (4)                    | (5)                        | (6)              | (7)                  | (8)                                                        | (9)                                            |
| I   | Quyết định của UBND cấp tỉnh                             | 0                                       | 0                      | 0                          | 0                | 0                    | 0                                                          | 0                                              |
| II  | Nghị quyết định của HĐND cấp tỉnh                        | 0                                       | 0                      | 0                          | 0                | 0                    | 0                                                          | 0                                              |
|     | <b>TỔNG SỐ</b>                                           | <b>0</b>                                | <b>0</b>               | <b>0</b>                   | <b>0</b>         | <b>0</b>             | <b>0</b>                                                   | <b>0</b>                                       |

**Ghi chú:** Đối với những dự thảo văn bản QPPL chưa được ban hành trong kỳ báo cáo, đề nghị cung cấp/ cập nhật thông tin (tên, số ký hiệu, thời gian ban hành văn bản; số lượng TTHC) tại các kỳ báo cáo kế tiếp.

Biểu số II.02c/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
QUY ĐỊNH TẠI TÀI DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM  
PHÁP LUẬT CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

- Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương Hà Nam.

- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát  
TTHC, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Kỳ báo cáo: Quý 1/Năm 2022**  
(Từ ngày 16/12/2021 đến ngày 15/3/2022)

*Đơn vị tính: TTHC, VB.*

| STT            | Tên cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo | Tổng số       |               | Số lượng TTHC được thẩm định theo tên loại VBQPPL |                     |                     |                     |
|----------------|---------------------------------------|---------------|---------------|---------------------------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
|                |                                       |               |               | Quyết định của UBND                               |                     | Nghị quyết của HĐND |                     |
|                |                                       | TTHC          | VBQPPL        | Số lượng TTHC                                     | Số lượng VB<br>QPPL | Số lượng TTHC       | Số lượng VB<br>QPPL |
| (1)            | (2)                                   | (3) = (5)+(7) | (4) = (6)+(8) | (5)                                               | (6)                 | (7)                 | (8)                 |
| 1              | Sở Công Thương Hà Nam                 | 0             | 0             | 0                                                 | 0                   | 0                   | 0                   |
| <b>TỔNG SỐ</b> |                                       | <b>0</b>      | <b>0</b>      | <b>0</b>                                          | <b>0</b>            | <b>0</b>            | <b>0</b>            |

Biểu số II.03b/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ CÔNG BỐ, CÔNG KHAI  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

**Kỳ báo cáo: Quý 1/Năm 2022**  
(Từ ngày 16/12/2021 đến ngày 15/3/2022)

- Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương Hà Nam.

- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát TTHC,  
Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

**II. CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

| STT              | Tên cơ quan, đơn vị thực hiện | Số lượng quyết định công bố | Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố | Số lượng TTHC đã được công bố |                   |                       |             | Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai |                                        | Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo |
|------------------|-------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------|-----------------------|-------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|                  |                               |                             |                                                  | Tổng số                       | TTHC quy định mới | TTHC sửa đổi, bổ sung | TTHC bãi bỏ | Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)   | Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai) |                                                                                    |
| (1)              | (2)                           | (3)                         | (4)                                              | (5)                           | (6)               | (7)                   | (8)         | (9)                                              | (10)                                   | (11)                                                                               |
| 1                | Sở Công Thương Hà Nam         | 0                           | 0                                                | 0                             | 0                 | 0                     | 0           | 0                                                | 0                                      | 0                                                                                  |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                               | <b>0</b>                    | <b>0</b>                                         | <b>0</b>                      | <b>0</b>          | <b>0</b>              | <b>0</b>    | <b>0</b>                                         | <b>0</b>                               | <b>0</b>                                                                           |



Biểu số II.04/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

**Kỳ báo cáo: Quý 1/Năm 2022**  
(Từ ngày 16/12/2021 đến ngày 15/3/2022)

- Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương Hà Nam.

- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát TTHC, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đơn vị tính: TTHC/nhóm TTHC, triệu đồng %

| STT         | Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch                                              | Tổng số TTHC đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa | Phương án đơn giản hóa TTHC |                      |                               |                        |                          |                                                                 | Số tiền tiết kiệm được | Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được | Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------|-------------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------|
|             |                                                                                                   |                                                                | Số lượng TTHC giữ nguyên    | Số lượng TTHC bãi bỏ | Số lượng TTHC sửa đổi bổ sung | Số lượng TTHC thay thế | Số lượng TTHC liên thông | Số lượng TTHC có giải pháp để thực hiện trên môi trường điện tử |                        |                              |                                                 |
| (1)         | (2)                                                                                               | (3)                                                            | (4)                         | (5)                  | (6)                           | (7)                    | (8)                      | (9)                                                             | (10)                   | (11)                         | (12)                                            |
| <b>I</b>    | <b>THEO KẾ HOẠCH RÀ SOÁT CỦA BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ/ UBND CẤP TỈNH</b>                              |                                                                |                             |                      |                               |                        |                          |                                                                 |                        |                              |                                                 |
| 1           | TTHC/Nhóm TTHC quy định tại VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, cơ quan/ UBND cấp tỉnh       |                                                                |                             |                      |                               |                        |                          |                                                                 |                        |                              |                                                 |
|             | 0                                                                                                 | 0                                                              | 0                           | 0                    | 0                             | 0                      | 0                        | 0                                                               | 0                      | 0                            | 0                                               |
| 2           | TTHC/Nhóm TTHC quy định tại VBQPPL không thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, cơ quan/ UBND cấp tỉnh |                                                                |                             |                      |                               |                        |                          |                                                                 |                        |                              |                                                 |
|             | 0                                                                                                 | 0                                                              | 0                           | 0                    | 0                             | 0                      | 0                        | 0                                                               | 0                      | 0                            | 0                                               |
| <b>Tổng</b> | <b>0</b>                                                                                          | <b>0</b>                                                       | <b>0</b>                    | <b>0</b>             | <b>0</b>                      | <b>0</b>               | <b>0</b>                 | <b>0</b>                                                        | <b>0</b>               | <b>0</b>                     | <b>0</b>                                        |

Biểu số II.05a/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN)  
VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ HÀNH VI HÀNH CHÍNH  
TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

- Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương Hà Nam.

- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát  
TTHC, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Kỳ báo cáo: Quý 1/Năm 2022**  
(Từ ngày 16/12/2021 đến ngày 15/3/2022)

Đơn vị tính: Số PAKN.

| STT              | Tên ngành, lĩnh vực có PAKN | Số lượng PAKN được tiếp nhận |                    |                     |                          |          | Kết quả xử lý PAKN             |                    |                     |                          |            |                    |                    |                     |          | Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai |
|------------------|-----------------------------|------------------------------|--------------------|---------------------|--------------------------|----------|--------------------------------|--------------------|---------------------|--------------------------|------------|--------------------|--------------------|---------------------|----------|------------------------------------------|
|                  |                             | Tổng số                      | Theo nội dung      |                     | Theo thời điểm tiếp nhận |          | Đã xử lý                       |                    |                     |                          | Đang xử lý |                    |                    |                     |          |                                          |
|                  |                             |                              | Hành vi hành chính | Quy định hành chính | Từ kỳ trước              | Trong kỳ | Tổng số                        | Theo nội dung      |                     | Theo thời điểm tiếp nhận |            | Tổng số            | Hành vi hành chính | Quy định hành chính |          |                                          |
|                  |                             |                              |                    |                     |                          |          |                                | Hành vi hành chính | Quy định hành chính | Từ kỳ trước              | Trong kỳ   |                    |                    |                     |          |                                          |
| (1)              | (2)                         | (3)<br>=(4)+(5)<br>=(6)+(7)  | (4)                | (5)                 | (6)                      | (7)      | (8)=<br>(9)+(10)<br>=(11)+(12) | (9)                | (10)                | (11)                     | (12)       | (13)=<br>(14)+(15) | (14)               | (15)                | (16)     |                                          |
| 1                | Sở Công Thương Hà Nam       | 0                            | 0                  | 0                   | 0                        | 0        | 0                              | 0                  | 0                   | 0                        | 0          | 0                  | 0                  | 0                   | 0        |                                          |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                             | <b>0</b>                     | <b>0</b>           | <b>0</b>            | <b>0</b>                 | <b>0</b> | <b>0</b>                       | <b>0</b>           | <b>0</b>            | <b>0</b>                 | <b>0</b>   | <b>0</b>           | <b>0</b>           | <b>0</b>            | <b>0</b> |                                          |

Biểu số II.06a/VPCP/KSTT

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ  
TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

- Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương Hà Nam.

- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát TTHC,  
Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Kỳ báo cáo: Quý 1/Năm 2022**

(Từ ngày 16/12/2021 đến ngày 15/3/2022)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

| STT              | Lĩnh vực giải quyết                                  | Số lượng hồ sơ tiếp nhận |             |                              |             | Số lượng hồ sơ đã giải quyết |             |          |          | Số lượng hồ sơ đang giải quyết |          |          |
|------------------|------------------------------------------------------|--------------------------|-------------|------------------------------|-------------|------------------------------|-------------|----------|----------|--------------------------------|----------|----------|
|                  |                                                      | Tổng số                  | Trong kỳ    |                              | Từ kỳ trước | Tổng số                      | Trước hạn   | Đúng hạn | Quá hạn  | Tổng số                        | Đúng hạn | Quá hạn  |
|                  |                                                      |                          | Trực tuyến  | Trực tiếp, dịch vụ bưu chính |             |                              |             |          |          |                                |          |          |
| (1)              | (2)                                                  | (3)=(4)+<br>(5)+(6)      | (4)         | (5)                          | (6)         | (7)=(8)+<br>(9)+(10)         | (8)         | (9)      | (10)     | (11)=<br>(12)+(13)             | (12)     | (13)     |
| 1                | Lĩnh vực an toàn thực phẩm                           | 1                        | 1           | 0                            | 0           | 1                            | 1           | 0        | 0        | 0                              | 0        | 0        |
| 2                | Lĩnh vực hóa chất                                    | 2                        | 2           | 0                            | 0           | 2                            | 2           | 0        | 0        | 0                              | 0        | 0        |
| 3                | Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước               | 14                       | 10          | 1                            | 3           | 14                           | 14          | 0        | 0        | 0                              | 0        | 0        |
| 4                | Lĩnh vực Quản lý năng lượng                          | 55                       | 44          | 6                            | 5           | 55                           | 55          | 0        | 0        | 0                              | 0        | 0        |
| 5                | Lĩnh vực Xúc tiến thương mại                         | 3340                     | 3337        | 0                            | 3           | 3252                         | 3252        | 0        | 0        | 88                             | 0        | 0        |
| 6                | Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | 1                        | 0           | 1                            | 0           | 0                            | 0           | 0        | 0        | 1                              | 0        | 0        |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                                      | <b>3413</b>              | <b>3394</b> | <b>8</b>                     | <b>11</b>   | <b>3324</b>                  | <b>3324</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>89</b>                      | <b>0</b> | <b>0</b> |